

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CƯ KUIN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2019/DS-ST
Ngày: 19/9/2019
“V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ KUIN, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Văn Công Cường

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bạch Đình Ca;
2. Ông Trần Dương Điềm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Thị Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 19/9/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 45/2019/TLST-DS ngày 17 tháng 6 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2019/QĐXXST-DS ngày 30/8/2019, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà H L, sinh năm 1968, địa chỉ: Buôn K, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

* *Bị đơn:* Bà H M, sinh năm 1978, địa chỉ: Buôn E, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

* *Người làm chứng:* Bà H B, sinh năm 1966, địa chỉ: Buôn E, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà H L trình bày như sau:**

Ngày 07/12/2018 bà H M có vay của bà H L số tiền 165.000.000 đồng, lãi suất hai bên thỏa thuận miệng 3.000đ/1.000.000đồng/01 ngày. Thời hạn trả nợ hẹn 05 ngày sẽ hoàn trả cả gốc và lãi.

Ngày 28/02/2019 bà H M tiếp tục vay của nguyên đơn số tiền 278.400.000 đồng, hai bên cũng thỏa thuận lãi suất miệng là 3.000đ/1.000.000/01 ngày. Bà H M cũng hẹn 10 ngày sau sẽ trả toàn bộ số tiền nợ gốc cả lãi suất phát sinh.

Cả hai lần vay tiền giữa hai bên đều có lập giấy tờ cụ thể do chính bà H M viết và ký xác nhận sau khi nhận tiền. Mục đích vay bị đơn xác định để trả nợ đến hạn vay tiền của Ngân hàng. Có bà H B là người chứng kiến việc vay tiền giữa các bên.

Đến thời hạn trả nợ của cả hai lần vay trên và cho đến nay bà H M không trả khoản tiền nào cho nguyên đơn như đã cam kết, mặt dù nguyên đơn đã nhiều lần liên lạc, đến nhà yêu cầu bà H M phải có trách nhiệm trả số tiền gốc và lãi suất vay như đã thỏa thuận nhưng bà H M không trả, cố tình lẩn tránh.

Nay nguyên đơn yêu cầu bà H M phải trả cho nguyên đơn số tiền gốc tổng cộng cả hai lần vay là 443.400.000 đồng tiền, không yêu cầu lãi suất.

Tại địa phương nguyên đơn không thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo hay gia đình chính sách gì. Do có thể nghe, nói, viết và hiểu được tiếng việt phổ thông nên không yêu cầu trợ giúp pháp lý và phiên dịch.

*** Quá trình tham gia tố tụng, bị đơn bà H M trình bày:**

Bà H Miöl Bkrông và bà H L có mối quan hệ quen biết, không phải là quan hệ họ hàng. Trước đây bà H M cũng có nhiều lần vay tiền của bà H L. Ngày 07/12/2018 bị đơn có vay của bà H L số tiền là 165.000.000 đồng, lãi suất hai bên thỏa thuận miệng với nhau là 10.000đ/1.000.000 đồng/01 ngày. Khi vay giữa các bên có lập giấy tờ cụ thể do chính bà H M là người viết và ký xác nhận. Thời hạn trả nợ là hẹn 05 ngày sau sẽ hoàn trả cả tiền gốc và lãi cho nguyên đơn. Mục đích vay là để bị đơn cho người khác vay lại.

Đến hạn trả nợ H M không có tiền trả cho nguyên đơn nhưng sau đó một thời gian bị đơn có trả cho bà H L được số tiền là 94.000.000 đồng trong số tiền vay là 165.000.000 đồng. Thời điểm trả tiền do tin tưởng lẫn nhau nên bà H M không lập giấy tờ biên nhận gì cho việc trả tiền này, bị đơn không nhớ cụ thể ngày, tháng trả tiền. Đến ngày 28/02/2019 bà H L có yêu cầu bà H M viết 01 giấy vay tiền bằng tay với nội dung bị đơn có vay số tiền 278.400.000 đồng của bà H L.

Bà H M xác định bà là người viết và ký xác nhận vào giấy vay tiền ngày 07/12/2018 và 28/02/2019 mà bà H L dùng làm căn cứ khởi kiện, nhưng trên thực tế bà H M không nhận theo số tiền mà nguyên đơn khởi kiện mà chỉ nhận số tiền 165.000.000 đồng, có bà H B là người chứng kiến. Cả hai giấy vay tiền đều do bà H L cất giữ.

Nay bà H Leo yêu cầu bà H M trả số tiền gốc tổng cộng cả hai lần vay là 443.400.000 đồng thì bị đơn không đồng ý, vì trên thực tế bà H M viết giấy vay tiền và ký xác nhận nhưng bà H L không có tiền mặt để giao. Nay bà H M chỉ đồng ý trả cho bà H L số tiền là 165.000.000 đồng.

Tại phiên tòa bà H M trình bày: Nguồn gốc số tiền vay ban đầu chỉ vay của

bà H L 100.000.000 đồng nhưng trên thực tế bà nhận 94.000.000 đồng, còn 6.000.000 đồng phải trả tiền lãi trước và công đi lại cho nguyên đơn. Thời gian đến hạn trả nợ không nhớ nhưng bà H M không có tiền để trả cho bà H L nên giữa hai bên đã thỏa thuận viết lại giấy tiền ngày 07/12/2018 nội dung lại số tiền 165.000.000 đồng gốc nhưng trên thực tế là 100.000,000 đồng tiền gốc đã vay trước đó cộng thêm 62.000.000 đồng tiền lãi nhưng viết là 65.000.000 đồng. Đối với số tiền theo giấy vay ngày 28/02/2019 cũng tương tự như vậy đến hạn trả nợ của số tiền vay 165.000.000 đồng bà H M không có tiền để trả nên viết lại giấy vay tiền tính cả gốc và lãi lên thành 278.400.000 tiền gốc, bà H M đã thanh toán cho bà H L 94.000.000 đồng. Nay bà Leo Niê khởi kiện bà H M đề nghị HĐXX xem xét lại.

Tại địa phương bị đơn không thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo hay gia đình chính sách gì. Do có thể nghe, nói, viết và hiểu được tiếng việt phổ thông nên không yêu cầu trợ giúp pháp lý và phiên dịch.

Quá trình tham gia tố tụng người làm chứng bà H B xác định:

Bà là người chứng kiến việc bà H M là người viết và ký hai giấy vay tiền cho bà H L lập vào các ngày 07/12/2018 và 28/02/2019 và có nhận tiền vay ngày 07/12/2018, còn ngày 28/02/2019 thì không thấy nhận tiền.

Bà là người dân tộc Êđê, bản thân có thể nghe, nói được tiếng phổ thông mà không cần người phiên dịch.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin phát biểu:

Thẩm quyền thụ lý vụ án: Đây là vụ án “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vấn đề thu thập chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu: Thực hiện đúng theo quy định tại Điều 97, 98, 100, 203, 220 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự và cho Viện kiểm sát đúng theo quy định tại Điều 170 đến Điều 175, Điều 178 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn, người làm chứng đã thực hiện đúng các quy định Điều 70, 71, 72, 77 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (viết là HĐXX), Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Theo lời khai của nguyên đơn, bị đơn trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án xác định bị đơn có vay của nguyên đơn số tiền gốc tổng cộng 443.400.000 đồng. Bị

đơn cho rằng đã trả cho nguyên đơn số tiền gốc 94.000.000 đồng đối với số tiền vay 165.000.000 đồng, còn đối với số tiền vay 278.400.000 đồng vào ngày 28/02/2019 là không có vay nhưng thừa nhận là người đã viết và ký vào giấy vay này vì do nguyên đơn ép viết nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh nên áp dụng các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả lại cho nguyên đơn số tiền gốc đã vay 443.400.000 đồng. Nguyên đơn không yêu cầu lãi suất nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Theo giấy vay tiền ghi ngày 07/12/2018 và 28/02/2019 do nguyên đơn dùng làm căn cứ khởi kiện và lời khai của các đương sự có nội dung nguyên đơn cho bị đơn vay số tiền gốc tổng cộng cả hai lần vay là 443.400.000 đồng. Xét quan hệ pháp luật dân sự về việc vay tiền giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, do đó quyền và nghĩa vụ của các bên được pháp luật bảo vệ. Tuy nhiên nguyên đơn xác định bị đơn không trả nợ đúng thời hạn theo thỏa thuận như đã cam kết làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, do đó nguyên đơn là người có quyền khởi kiện. Bị đơn cư trú tại buôn E, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk nên vụ án thuộc quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, do đó Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải:

Tòa án đã thông báo cho các đương sự tham gia phiên họp để giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các đương sự đã có mặt và thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Tại phiên tòa các đương sự không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì thêm. Do đó HĐXX sẽ xem xét các tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập và đương sự giao nộp có lưu trong hồ sơ để giải quyết vụ án. Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Theo giấy ghi nội dung mượn tiền mà nguyên đơn dùng để làm căn cứ khởi kiện bị đơn (bút lục số 25; 26) và lời khai của các đương sự xác định ngày 07 tháng 12 năm 2018 giữa nguyên đơn và bị đơn có thỏa thuận nguyên đơn cho bị đơn vay số tiền 165.000.000 đồng với lãi suất thỏa thuận bằng miệng nguyên đơn xác định 3.000 đồng/1.000.000đồng/ngày; bị đơn xác định 10.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày. Thời hạn trả nợ là 05 ngày kể từ ngày vay. Đến ngày 28/02/2019 bị đơn tiếp tục vay của nguyên đơn số tiền 278.400.000 đồng với lãi suất thỏa thuận bằng miệng nguyên đơn xác định 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, bị đơn xác định 10.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày.

Cả hai lần vay đến nay đã quá thời hạn trả nợ nhưng bị đơn vẫn chưa thanh toán là xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nên nguyên đơn là người có quyền khởi kiện theo quy định tại Điều 186 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3.2] Quá trình tham gia tố tụng bị đơn thừa nhận vào ngày 07/12/2018 có vay của bà H Leo số tiền 165.000.000 đồng như nguyên đơn trình bày là đúng nhưng với lãi suất thỏa thuận bằng miệng là 10.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, thời hạn trả nợ là 05 ngày sau sẽ trả cả gốc và lãi. Bị đơn xác định đến hạn đã trả cho nguyên đơn tổng cộng là 94.000.000 đồng. Tuy nhiên bị đơn cho rằng vì tin tưởng nhau nên khi trả tiền không lập giấy tờ biên nhận gì. Còn đối với giấy vay tiền vào ngày 28/02/2019 là do bị đơn viết và ký xác nhận nhưng do nguyên đơn ép buộc và không nhận số tiền vay 278.400.000 đồng như trong giấy vay tiền nhưng không xuất trình, cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì chứng minh cho việc đã trả tiền, việc nguyên đơn ép buộc viết giấy vay tiền vào ngày 28/02/2019. Về phía nguyên đơn không thừa nhận lời trình bày của bị đơn và yêu cầu bị đơn phải trả số tiền gốc đã vay tổng cộng là 443.400.000 đồng nên HĐXX không có căn cứ để xem xét đối với ý kiến của bị đơn. Bị đơn bà H Miôl cũng thừa nhận giấy vay tiền và nội dung giấy vay mượn số tiền giữa bà với nguyên đơn nay nguyên đơn làm căn cứ khởi kiện là do bị đơn viết và ký ra. Do đó HĐXX xác định ngày 07/12/2018 bị đơn có vay của nguyên đơn số tiền 165.000.000 đồng và ngày 28/02/2019 tiếp tục vay của nguyên đơn số tiền 278.400.000 đồng. Cả hai lần vay đã quá thời hạn trả nợ bị đơn chưa trả cho nguyên đơn khoản tiền nào là vi phạm sự thỏa thuận về việc vay tài sản giữa hai bên, vi phạm nguyên tắc thực hiện hợp đồng, vi phạm nghĩa vụ trả tiền. Căn cứ vào các điều 358, 463, 465 và 466 Bộ luật dân sự năm 2015, cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa. Buộc bị đơn bà H M phải có trách nhiệm trả cho bà H L số tiền gốc tổng cộng 443.400.000 đồng. Do nguyên đơn không yêu cầu đối với lãi suất nên HĐXX không xem xét.

[3.3] Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn đều xác định trong giấy vay tiền ngày 07/12/2018 và ngày 28/02/2019 có ghi là “A Duân Juna và Amí Jêhun”. A Duân Juna là tên thường gọi của nguyên đơn bà H L, còn “Amí Jêhun” là tên thường gọi của bị đơn bà H M, xét thấy là phù hợp, không có tranh chấp nên HĐXX không đề cập xem xét.

[4] Về tiền án phí và tạm ứng án phí: Do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết. Nhưng bị đơn là người đồng bào dân tộc thiểu số ở vùng có điều kiện kinh tế – xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn toàn bộ số tiền án phí theo quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết này. Nguyên đơn cũng là người đồng bào dân tộc thiểu số ở vùng có điều kiện kinh tế – xã hội đặc biệt khó khăn nên đã được miễn nộp tiền tạm ứng án phí trước đó.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, các Điều 144, 147, 203, 218, 220, 235, 266, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 358, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà H L. Buộc bị đơn bà H M phải trả cho bà H L số tiền 443.400.000 đồng (*bốn trăm bốn mươi ba triệu bốn trăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về tiền án phí: Miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho bà H M.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật THADS thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật THADS; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật THADS./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Cư Kuin;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

VĂN CÔNG CƯỜNG

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Cư Kuin;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

VĂN CÔNG CƯỜNG

